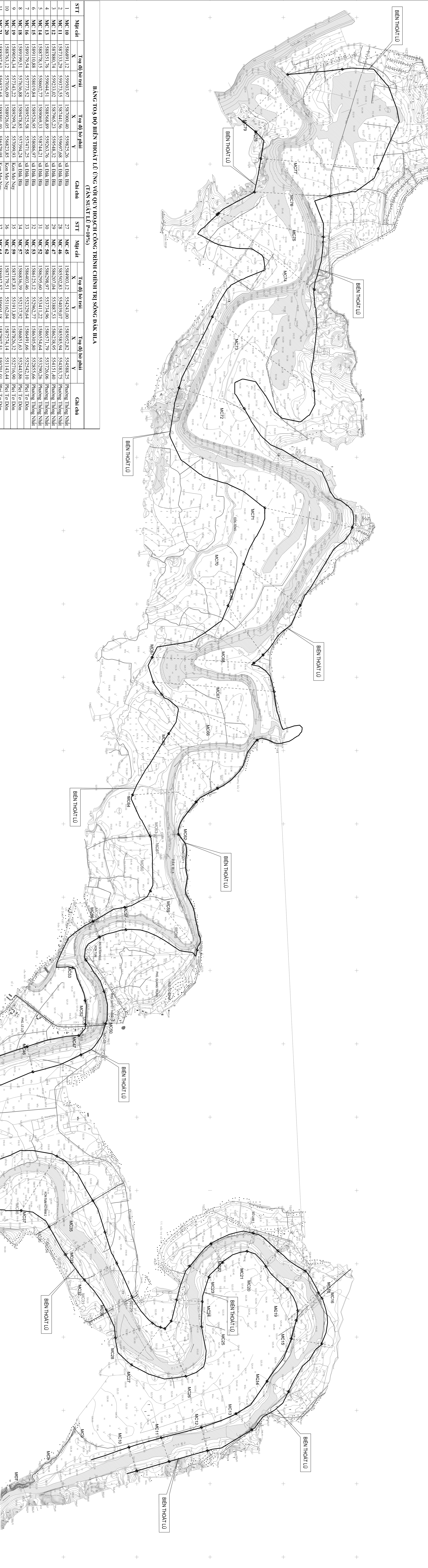


BẢN ĐỒ BIÊN THOÁT LŨ ỨNG VỚI QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH CHÍNH TRỊ SÔNG ĐÀ BLA (P=10%)

Tỷ lệ 1:10.000



BẢNG TOẠ ĐỘ BIÊN THOÁT LŨ ỨNG VỚI QUY HOẠCH CÔNG TRÌNH CHÍNH TRỊ SÔNG ĐÀ BLA (TẦN SUẤT LŨ P=10%)

STT	Mặt cắt	Toạ độ bờ trái		Toạ độ bờ phải		Chiều	STT	Mặt cắt	Toạ độ bờ trái		Toạ độ bờ phải		Chiều
		X	Y	X	Y				X	Y	X	Y	
1	MC 10	1586891.12	550953.97	1587000.40	550923.26	Xà Đăk B'la	27	MC 45	1588503.12	554243.00	1585052.82	554588.25	Phường Thôn Nhứt
2	MC 11	1587333.20	550973.55	1587441.56	550907.68	Xà Đăk B'la	28	MC 46	1588502.82	554039.07	1585538.94	554183.51	Phường Thôn Nhứt
3	MC 12	1587880.74	550923.02	1587965.23	550848.32	Xà Đăk B'la	29	MC 47	1588507.04	553887.53	1586233.95	554151.40	Phường Thôn Nhứt
4	MC 13	1588351.76	550944.51	1588568.99	550926.70	Xà Đăk B'la	30	MC 48	1588598.97	553734.96	1586571.79	553726.66	Phường Thôn Nhứt
5	MC 14	1588781.5	550602.77	1589009.23	558744.21	Xà Đăk B'la	31	MC 52	1586295.60	553411.22	1586545.64	553290.26	Phường Thôn Nhứt
6	MC 15	1589108.88	550919.84	1589269.55	550868.97	Xà Đăk B'la	32	MC 53	1586125.12	552962.77	1586505.80	552855.66	Phường Thôn Nhứt
7	MC 16	1589199.51	557733.52	1589253.38	557747.23	Xà Đăk B'la	33	MC 55	1588403.46	552329.64	1586491.66	552421.10	Plei Tơ Đôn
8	MC 18	1589199.51	557343.22	1589299.74	557099.93	Kom Mư N'ay	34	MC 57	1586865.69	552137.92	1586516.5	552433.86	Plei Tơ Đôn
9	MC 19	1589054.34	557343.22	1589299.74	557099.93	Kom Mư N'ay	35	MC 59	1587187.83	551913.89	1587826.32	552716.90	Plei Tơ Đôn
10	MC 20	1588765.12	557036.09	1588926.05	556823.85	Kom Mư N'ay	36	MC 64	1586791.57	551162.04	1587574.14	551143.44	Plei Tơ Đôn
11	MC 21	1588507.65	556832.65	1588591.40	556799.95	Kom Mư N'ay	37	MC 62	1587435.84	549770.87	1588103.52	550701.01	Plei Tơ Đôn
12	MC 22	1588170.18	556980.94	1588012.88	556726.82	Kom Mư N'ay	38	MC 65	1587338.68	549670.61	1588823.97	549195.57	Xà Ngok Bay
13	MC 23	1587982.23	557182.28	1587722.27	557033.75	Kom Mư N'ay	39	MC 66	1587338.68	549670.61	1588823.97	549195.57	Xà Ngok Bay
14	MC 24	1587897.95	557512.41	1587546.42	557493.10	Kom Mư N'ay	40	MC 67	1587229.18	549067.68	1588872.97	549055.49	Xà Ngok Bay
15	MC 25	1587884.52	557858.36	1587470.29	557781.09	Kom Mư N'ay	41	MC 68	1587210.38	548729.97	1588398.51	548805.79	Xà Ngok Bay
16	MC 26	1587669.21	558333.81	1587382.35	557888.00	Kom Mư N'ay	42	MC 69	1588245.61	548024.44	1588723.47	548693.14	Xà Ngok Bay
17	MC 27	1586928.27	558379.55	158733.39	557862.13	Kom Mư N'ay	43	MC 70	1588457.80	547458.89	1589229.97	548021.40	Xà Ngok Bay
18	MC 28	1586708.49	558010.27	1587215.39	557809.54	Kom Mư N'ay	44	MC 71	1588746.55	546686.89	1589940.03	546955.85	Xà Ngok Bay
19	MC 30	1586584.72	557650.50	1586933.02	557444.72	Kom Mư N'ay	45	MC 72	1587577.61	545048.85	1588467.34	545336.54	Xà Ngok Bay
20	MC 32	1586287.22	557222.64	1586726.87	556991.03	Kom Mư - P. Thôn Nhứt	46	MC 73	1588021.30	544082.75	1589421.09	545095.83	Đăk K'g
21	MC 33	1586029.23	556874.53	1586566.62	556571.94	Kom Klor - P. Thôn Nhứt	47	MC 74	1588118.72	542669.68	1589544.68	542991.88	Trùng Nghĩa Tây
22	MC 35	1585805.51	556497.21	1586401.14	556139.27	Kom Klor - P. Thôn Nhứt	48	MC 75	1588118.72	542669.68	1589544.68	542991.88	Trùng Nghĩa Tây
23	MC 37	1585432.80	556277.11	1585911.16	555533.56	Kom Klor - P. Thôn Nhứt	49	MC 76	1588606.84	542382.81	1589635.24	542436.57	Trùng Nghĩa Tây
24	MC 40	1584332.57	555604.88	1584754.48	555509.25	Phường Thôn Nhứt	50	MC 77	1588627.03	541925.04	1590094.59	542062.92	Trùng Nghĩa Tây
25	MC 44	1584238.16	554989.94	1584615.52	554973.63	Phường Thôn Nhứt	51	MC 78	1588627.03	541925.04	1590094.59	542062.92	Trùng Nghĩa Tây
26	MC 44	1584639.38	554832.34	1584794.86	554749.86	Phường Thôn Nhứt	52	MC 79	1588451.79	541419.22	1589095.63	540775.78	Krong Klu